

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đắc Nghĩa;

Ông Hoàng Văn Hữu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Trọng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 339/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thu N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn Tiến A, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 12/9/2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thu N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh chị chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn ngày 15/3/2018 tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Anh chị sống hạnh phúc đến cách đây hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh Tiến A không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, không hỗ trợ tài chính nuôi con, hay cờ bạc, rượu chè, ghen tuông vô cớ và khi say rượu còn đe dọa mẹ con chị. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay không đoàn tụ được. Mâu thuẫn của vanh chị thì gia đình hai bên đều biết nhưng không có ý kiến gì mà để anh chị tự quyết định. Nay chị thấy anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là **Trần Tuấn A1**, sinh ngày 23/02/2018, đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Trần Văn T** Anh vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trần Thu N** đối với anh **Trần Văn Tiến A**.

+ Về con chung: Giao con chung cho chị **Trần Thu N** nuôi dưỡng; ghi nhận chị **N** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị **Trần Thu N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **N** vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh **Tiến A** vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **N**, anh **Tiến A**.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị **N** khai nhận, chị và anh **Tiến A** chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn ngày 15/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Tây Ninh** là phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn chị cung cấp.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị **N** khai nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cách đây hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh **Tiến A** không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, không hỗ trợ tài chính nuôi con, hay cờ bạc, rượu chè, ghen tuông vô cớ và khi say rượu còn đe dọa mẹ con chị. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay không đoàn tụ được. Mâu

thuần của vanh chị thì gia đình hai bên đều biết nhưng không có ý kiến gì mà để anh chị tự quyết định. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh **Tiến A**. Anh **Tiến A** đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có lời trình bày. Qua kết quả xác minh tại địa phương có đủ căn cứ xác định lời trình bày của chị **N** là có căn cứ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị **N** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là **Trần Tuấn A1**, sinh ngày 23/02/2018, đang sống với chị **N**. Nay chị **N** yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh **Tiến A** cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần giao con chung cho chị **N** nuôi dưỡng, ghi nhận chị **N** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh **Tiến A** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **N** không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **N** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trần Thu N** đối với anh **Trần Văn Tiến A**. Chị **Trần Thu N** được ly hôn với anh **Trần Văn Tiến A**.

2- Về con chung: Giao cho chị **Trần Thu N** được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên **Trần Tuấn A1**, sinh ngày 23/02/2018; ghi nhận chị **Trần Thu N** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh **Trần Văn T** Anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Trần Thu N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị **Trần Thu N** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008615 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị **Trần Thu N** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị **N**, anh **Tiến A** biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung